

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HCM
CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH Q.1



HỒ SƠ

CÔNG KHAI
TÀI CHÁNH

NĂM 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HCM
CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH Q.1



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NĂM 2013

Quận I, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kính trình : - UBND TP HỒ CHÍ MINH
- CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

**THUYẾT MINH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN THỰC HIỆN NĂM 2013
GIẢM SO VỚI KẾ HOẠCH THÀNH PHỐ GIAO.**

Số TT	Diễn giải	TH năm 2012	KH Năm 2013	TH Năm 2013	Giảm so KH Năm 2013
I	Doanh thu	180.045.500.386	185.343.810.000	154.387.456.248	-30.956.353.752
II	Lợi nhuận	14.580.303.852	14.132.000.000	8.703.112.428	- 5.428.887.572

Chỉ tiêu 1 : Doanh thu & thu nhập khác (xếp loại A)

- Thành phố giao : 185.343.810.000
- Cty thực hiện : 154.387.456.248
- Giảm : 30.956.353.752

Doanh thu giảm do đơn giá từ 2.000.000 đồng xuống còn 1.512.500 :

- Quét dọn vệ sinh đường phố : 20.142.488.737
- Vận chuyển rác : 1.364.598.278
- Duy tu bảo dưỡng công viên : 1.756.706.890
- Thoát nước : 7.889.740.706
- Sản lượng vệ sinh giảm 22.102.900 m² : 1.529.025.582

(Căn cứ vào Quyết định số 1177/QĐ-TNMT-CTR Ngày 16/7/2013 công ty còn bị giảm sản lượng quét rác lòng đường và vòng xoay, tiểu đảo trước đây quét 3 m giờ chỉ còn 1,5m, từ ngày 16/7/2013 đến 31/12/2013 sản lượng quét ca ngày giảm 22.102.900 m² tương ứng doanh thu giảm 1.529.025.582 đồng. Duy tu thoát nước và công viên chỉ thực hiện quyết toán theo thực tế do Quận giao)

- **Tổng cộng :** 32.682.560.193

Doanh thu công ty đạt (154.387.456.248 +32.682.560.193)/ 185.343.810.000 = **100,93%**

Căn cứ điểm c,d khoản 6 điều 14 thông tư 158/2013-TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013

“c/ Do nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp hoặc do phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d/ Do nhà nước điều chỉnh lại chính sách làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.”

Chỉ tiêu 2 : Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.: (xếp loại A)

- Lợi nhuận Thành phố giao : 14.132.000.000
- Cty thực hiện : 8.703.112.428
- Giảm : 5.428.887.572

Trong đó nguyên nhân do :

Doanh thu hoạt động công ích giảm tương ứng lợi nhuận giảm : 2.357.831.545

$14.132.000.000 \times 154.420.410.494 = 11.774.168.455$

185.343.810.000

$(14.132.000.000 - 11.774.168.455) = 2.357.831.545$

Lương tối thiểu tăng từ 830.000 – 1.150.000 làm tăng chi phí

Nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ bình quân

(so sánh lương tối thiểu từ năm 2011 – 2013)

1.548.705.932

Tăng chi phí phụ cấp độc hại cho công nhân năm 2013

2.042.120.000

Trợ cấp thôi việc do thu hẹp sản xuất (sản lượng quét rác)

554.253.041

Tăng do giá cả vật tư, nhiên liệu , công cụ , điện, nước tăng....

700.000.000

Tổng cộng :

6.648.657.477

Lợi nhuận công ty đạt (8.703.112.428 + 6.648.657.477) / 14.132.000.000 = 108,62%

Căn cứ vào điểm c,d khoản 6 điều 14 thông tư 158/2013-TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013

Chỉ tiêu 3 : Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn : (xếp loại A)

Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn

$157.913.097.570 / 66.594.301.963 = 2,37 > 1$

Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 xếp loại A.

Chỉ tiêu 4 : Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.: (xếp loại A)

Công ty không bị phạt , không vi phạm về chế độ , chính sách.

Chỉ tiêu 5 : Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.: (xếp loại A)

- Hoàn thành kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định : xếp loại A

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẾ ĐỊNH

Biểu 02 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư 01/01/2013	Phát sinh		Giá trị đầu tư 31/12/2013	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác	51.229.100.000	0	0	51.229.100.000	9,181%	0	0
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIÊN THỐNG SÀI GÒN - SPT	51.229.100.000	0	0	51.229.100.000	9,181%	0	0

GHI CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ.

Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Văn Vân

Người lập biểu
(Ký)



Trương Ngọc Kim Nga

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



NGUYỄN THẾ ĐỊNH

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Thực hiện năm X				Biến động so với (tỷ lệ %)		
	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.971.975.189	177.884.503.779	185.344.000.000	152.740.468.132	0,90	0,86	0,82
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.971.975.189	177.884.503.779	185.344.000.000	152.740.468.132	0,90	0,86	0,82
4. Giá vốn hàng bán	141.285.831.461	150.207.397.324		130.455.694.289	0,92	0,87	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.686.143.728	27.677.106.455	185.344.000.000	22.284.773.843	0,80	0,81	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.419.568.897	637.428.318		1.312.078.778	0,92	1,57	
7. Chi phí tài chính							
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.973.930.288	15.141.465.166		15.114.419.083	1,01	1,00	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.712.213.460	12.535.641.300		7.170.354.760	0,56	0,57	
11. Thu nhập khác	1.387.813.418	1.982.827.277		334.909.338	0,24	0,20	
12. Chi phí khác	1.120.566.196	476.334.055		114.230.448	0,10	0,24	
13. Lợi nhuận khác	277.247.220	1.206.493.222		220.678.890	0,80	0,18	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.409.030.577	14.679.562.640	14.132.000.000	8.703.112.428	0,60	0,60	0,62
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.932.808.404	3.730.768.470		2.175.778.107	0,55	0,58	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(27.340.650)		(23.173.617)		0,85	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	10.476.222.173	10.876.135.020	14.132.000.000	6.550.507.938	0,63	0,60	

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

Hội đồng thành viên



Nguyễn Văn Văn

Người lập biểu



HUỲNH THỊ THU THẢO

Giám đốc doanh nghiệp



NGUYỄN THẾ ĐÌNH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Số: /DVCIQ1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM CÔNG ÍCH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 20 tháng 02 năm 2014

SỐ TT	Chỉ tiêu	ĐV Tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với		GHI CHÚ
					Kế hoạch	cùng kỳ năm trước	
1	Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm						
	Quét gom rác đường phố	m ²	734,395,767.56	712,292,866	96.99%	96.72%	
	Thu gom vận chuyển rác	tấn	98,071.10	100,605.94	102.58%	102.58%	
	Duy tu thoát nước <i>Cống mương</i>	tấnKm	2,444,612.77	2,522,948.11	103.20%	103.20%	
	<i>Hầm ga</i>	m	73,719	10,612	14.40%	12.58%	
	Duy tu công viên	cái	7,219	7,642	105.86%	92.57%	
		Ha	1,738.14	1,690.98	97.29%		
2	Khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu						
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích						
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích						
5	Doanh thu thực hiện		98,013,000,000	81,763,343,270	83.42%		
	Quét gom rác đường phố	đồng	105,035,900,000	85,766,699,023	81.65%	81.49%	
	Thu gom vận chuyển rác	đồng	61,553,000,000	49,223,978,943	79.97%	91.17%	Theo LTT 1.512.500 đ
	Duy tu thoát nước	đồng	21,371,000,000	21,248,101,018	99.42%	100.51%	Theo LTT 1.512.500 đ
	Duy tu công viên	đồng	12,499,000,000	4,565,693,180	36.53%	29.43%	
		đồng	9,612,900,000	7,338,667,907	76.34%	50.24%	

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Văn Văn

Nguyễn Thị Thu Thảo

NGUYỄN THẾ ĐÌNH

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

	Có	Không
1. Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	x	
2. Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phê biên về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	x	
3. Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	x	
4. Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?		x

Ghi chú: Doanh nghiệp trình bày cụ thể và giải thích các điểm đánh dấu “Không”

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

(Tổng) Giám đốc
doanh nghiệp




Nguyễn Thị Thu Châu

Nguyễn Văn Vân



NGUYỄN THẾ ĐỊNH

Biểu 06 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	135.354	135.354	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.354	135.354	
2. Quỹ đầu tư phát triển			
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
B. Tổng tài sản	286.477	263.145	
C. Lợi nhuận sau thuế	X	6.551	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	X	4,84	X
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	X	2,49	X

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Vân

Người lập biểu
(Ký)

Nguyễn Thị Thu Thảo

Giám đốc doanh nghiệp



NGUYỄN THẾ ĐỊNH

Biểu 07 - Mẫu số 01

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM..2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

DVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	4.555	1.150	7.939	(2.234)
3. Quỹ thưởng VCQLDN	143			143
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DNtr.đtr.đtr.đtr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Nguyễn Văn Văn

Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Văn Văn

NGUYỄN THẾ ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HCM
CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH Q.1



BÁO CÁO

THU NHẬP VIÊN CHỨC
QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI LAO
ĐỘNG

NĂM 2013

BÁO CÁO THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2013

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền	Ghi chú
1	Thu nhập	Đồng	98.700.183.207	
2	Số lao động	Người	1.043	
3	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	7.885.921	
4	Công ty đã nộp			
a)	Bảo hiểm xã hội	Đồng	5.142.021.011	
b)	Bảo hiểm y tế	Đồng	908.454.540	
c)	Bảo hiểm thất nghiệp	Đồng	312.520.769	

Ghi chú: Tình hình chấp hành các nghĩa vụ đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trợ cấp mất việc làm Công ty thực hiện đầy đủ và theo đúng qui định.

Quận 1, Ngày 28 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Người kiểm tra

Giám đốc

Nguyễn Thị Lệ

Ngô Phước Hưng



NGUYỄN THẾ ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HCM
CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH Q.1



HỒ SƠ

XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

NĂM 2013

Biểu 01 – Mẫu số 04

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM.2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN I

DN nhà nước

[Tên DN]

[Loại hình DN]

Chi tiêu 1 (tr.đồng) Doanh thu và thu nhập khác		Chi tiêu 2					Chi tiêu 3						
		Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)	Khả năng thanh toán nợ đến hạn		Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại	
KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)	Xếp loại	Xếp loại	Xếp loại
185.344	154.347	14.132	8.703	135.354	137.319	10,44	6,34	157.913	66.594	2,37	A	A	A

Hội đồng thành viên



NGUYỄN VĂN VĂN

Người lập biểu



HUỲNH THỊ THU THẢO

Giám đốc doanh nghiệp



HUỲNH NGUYỄN THẾ ĐỊNH

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ
DOANH NGHIỆP NĂM..2013**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
	CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1	10,44	6,34	60,70	A	A	Hoàn thành nhiệm vụ

Ghi chú: Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Hội đồng thành viên



NGUYỄN VĂN VÂN

Người lập biểu



HUỲNH THỊ THU THẢO

(Tổng) Giám đốc
doanh nghiệp



NGUYỄN THẾ ĐÌNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Lưu Pacific



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

11: 2023/01/01

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 1 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 1 là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300853312 ngày 01 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 1, ngày cấp 16/08/2013).

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Công trình Công cộng Quận 1 theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của công ty là Ủy Ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ **135.354.000.000 đồng**

Vốn thực góp **135.354.000.000 đồng**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3821 5844

Fax: 08 3925 0858

Mã số thuế: 0300853312

Hội đồng thành viên gồm:

- Ông Nguyễn Văn Vân

- Ông Nguyễn Thế Định

- Bà Quách Túy Hồng

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát gồm:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Chức vụ

Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm

20-10-2010

Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

- Ông Nguyễn Thế Định

- Ông Trần Mạnh Cường

- Bà Quách Túy Hồng

- Ông Đặng Gia Tuấn

- Ông Ngô Phước Hưng

Chức vụ

Giám đốc

Phó giám đốc

Phó giám đốc

Phó giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm

16-7-2013

7-12-2010

7-12-2010

7-12-2010

18-7-2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại

Hoạt động công ích: Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn theo phân cấp - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Hoạt động công ích: Quản lý, bảo dưỡng nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước phân cấp giao Quận quản lý. Tổ chức ký hợp đồng cho thuê và thu tiền thuê nhà theo quy định của Nhà nước. Đầu tư khai thác và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước.

Hoạt động kinh doanh khác: Cho thuê văn phòng. Doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư. Kinh doanh nhà.

- Thu gom rác thải độc hại

Hoạt động công ích: Thu gom rác thải độc hại và rác thải y tế

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

Hoạt động kinh doanh khác: Ươm trồng cây hoa kiểng.

- Thoát nước và xử lý nước thải

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, công trình giao thông theo chỉ tiêu giao và phân cấp quản lý của thành phố.

Hoạt động kinh doanh khác: Nạo vét cống rãnh, kênh rạch. Xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý môi trường.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng, sửa chữa hệ thống thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc các công trình xây dựng khác, hệ thống thoát nước.

- Vệ sinh chung nhà cửa

Hoạt động công ích: Tổ chức dịch vụ vệ sinh công cộng trong địa bàn dân cư

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác

Hoạt động công ích: Tổ chức quản lý mạng lưới nhà vệ sinh.

Hoạt động kinh doanh khác: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ vệ sinh nhà cao tầng.

- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp

Hoạt động kinh doanh khác: Tổ chức các dịch vụ vệ sinh

.....

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Hoạt động kinh doanh khác: Tổ chức triển lãm thương mại.

- Sửa chữa máy móc thiết bị

Hoạt động kinh doanh khác: Sửa chữa phương tiện chuyên dùng theo hợp đồng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Doanh nghiệp, đến kết quả hoạt động của Doanh nghiệp trong kỳ tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Doanh nghiệp trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Doanh nghiệp cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 12 tháng 03 năm 2014

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Nguyễn Thế Định

Giám đốc

Số 017/2014/BCKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 1, được lập ngày 12/03/2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, nợ phải trả. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.
- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm tra được tính đúng đắn của chỉ tiêu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 1 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2013-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.413.097.570	177.361.238.350
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		70.301.601.995	87.934.305.799
Tiền	111	V.01	43.801.601.995	87.934.305.799
Các khoản tương đương tiền	112		26.500.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		31.453.853.560	33.671.751.371
Phải thu của khách hàng	131	V.02	26.801.227.887	27.055.846.840
Trả trước cho người bán	132	V.03	4.242.902.068	2.566.795.435
Các khoản phải thu khác	135	V.04	663.758.329	4.303.143.820
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.05	(254.034.724)	(254.034.724)
Hàng tồn kho	140		52.564.941.015	55.460.514.548
Hàng tồn kho	141	V.06	52.564.941.015	55.460.514.548
Tài sản ngắn hạn khác	150		92.701.000	294.666.632
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	92.701.000	294.666.632
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.232.303.451	109.116.368.469
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		28.286.676.040	30.963.020.781
TSCĐ hữu hình	221	V.08	23.929.009.681	26.151.408.899
Nguyên giá	222		58.242.993.357	58.829.810.621
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.313.983.676)	(32.678.401.722)
TSCĐ vô hình	227	V.09	2.641.898.602	2.711.611.882
Nguyên giá	228		3.346.313.400	3.393.233.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(704.414.798)	(681.621.518)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.715.767.757	2.100.000.000
Bất động sản đầu tư	240		25.298.127.095	26.471.287.556
Nguyên giá	241	V.11	41.112.737.547	43.389.540.941
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.814.610.452)	(16.918.253.385)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51.229.100.000	51.229.100.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	51.229.100.000	51.229.100.000


 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Tài sản dài hạn khác	260		418.400.316	452.960.132
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	395.226.699	429.786.515
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	23.173.617	23.173.617
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		259.645.401.021	286.477.606.819

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		63.752.151.963	95.900.964.216
Nợ ngắn hạn	310		63.094.301.963	95.260.264.216
Phải trả cho người bán	312	V.15	6.347.790.027	7.504.241.927
Người mua trả tiền trước	313	V.16	1.387.360.048	518.616.425
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	12.051.002.524	7.606.101.458
Phải trả công nhân viên	315	V.18	4.732.818.492	28.868.713.771
Chi phí phải trả	316	V.19	1.462.667.372	1.158.680.839
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	318	V.20	7.470.449.971	7.001.325.793
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.21	31.732.649.990	37.904.196.170
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	(2.090.436.461)	4.698.387.833
Nợ dài hạn	330		657.850.000	640.700.000
Phải trả dài hạn khác	333	V.23	657.850.000	640.700.000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195.893.249.058	190.576.642.603
Vốn chủ sở hữu	410		161.664.342.917	155.137.008.596
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	135.354.617.409	135.354.617.409
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.111.997.959	2.111.997.959
Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.197.727.549	17.670.393.228
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.25	34.228.906.141	35.439.634.007
Nguồn kinh phí	432		4.825.510.796	4.863.078.201
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		29.403.395.345	30.576.555.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		259.645.401.021	286.477.606.819

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 12 tháng 03 năm 2014


Huỳnh Thị Thu thảo
Người lập biểu

Ngô Phước Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Định
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.26	152.740.468.132	177.885.244.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.740.468.132	177.885.244.791
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	130.455.694.289	149.332.975.605
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.284.773.843	28.552.269.186
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	1.312.078.778	837.428.313
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	15.114.419.083	16.015.886.874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.482.433.538	13.373.810.625
11. Thu nhập khác	31	VI.30	334.909.338	1.682.827.277
12. Chi phí khác	32	VI.31	114.230.448	476.334.055
13. Lợi nhuận khác	40		220.678.890	1.206.493.222
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.703.112.428	14.580.303.847
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		2.175.778.107	3.730.953.723
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(23.173.617)	(23.173.617)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.550.507.938	10.872.523.741
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 12 tháng 03 năm 2014


Huỳnh Thị Thu thảo
Người lập biểuNgô Phước Hưng
Kế toán trưởngNguyễn Thế Định
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		168.998.358.177	219.585.864.657
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.475.821.308)	(35.236.211.719)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(92.496.328.782)	(79.303.012.750)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(5.427.720.677)	(2.214.473.721)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		66.367.873.323	8.193.906.077
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(131.151.408.446)	(73.520.339.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(17.185.047.713)	37.505.733.540
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(447.656.091)	(5.257.700.308)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			216.020.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			837.428.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(447.656.091)	(4.204.251.990)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.632.703.804)	33.301.481.550
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		87.934.305.799	54.632.824.249
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		70.301.601.995	87.934.305.799

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Huỳnh Thị Thu thảo
Người lập biểu



Ngô Phước Hưng
Kế toán trưởng



Ngày 12 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thế Định
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 1 là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300853312 ngày 01 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 1, ngày cấp 16/08/2013).

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Công trình Công cộng Quận 1 theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của công ty là Ủy Ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH

- Vốn điều lệ đăng ký: 135.354.000.000 VND

- Vốn thực góp: 135.354.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: 28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Thoát nước và xử lý nước thải

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, công trình giao thông theo chỉ tiêu giao và phân cấp quản lý của thành phố.

Hoạt động kinh doanh khác: Nạo vét cống rãnh, kênh rạch. Xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý môi trường.

- Thu gom rác thải không độc hại

Hoạt động công ích: Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn theo phân cấp - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Hoạt động công ích: Quản lý, bảo dưỡng nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước phân cấp giao Quận quản lý. Tổ chức ký hợp đồng cho thuê và thu tiền thuê nhà theo quy định của Nhà nước. Đầu tư khai thác và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước.

Hoạt động kinh doanh khác: Cho thuê văn phòng. Doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư. Kinh doanh nhà.

- Thu gom rác thải độc hại

Hoạt động công ích: Thu gom rác thải độc hại và rác thải y tế

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

Hoạt động kinh doanh khác: Ươm trồng cây hoa kiểng.

- Thoát nước và xử lý nước thải

Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, công trình giao thông theo chỉ tiêu giao và phân cấp quản lý của thành phố.

Hoạt động kinh doanh khác: Nạo vét cống rãnh, kênh rạch. Xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý môi trường.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng, sửa chữa hệ thống thoát nước. Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc các công trình xây dựng khác, hệ thống thoát nước.

.....

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Hoạt động kinh doanh khác: Tổ chức triển lãm thương mại.

- Sửa chữa máy móc thiết bị

Hoạt động kinh doanh khác: Sửa chữa phương tiện chuyên dùng theo hợp đồng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	02 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	591.724.984	124.049.084
+ Tiền mặt tại quỹ VND	591.724.984	124.049.084
Tiền gửi ngân hàng VND	43.209.877.011	87.810.256.715
- NH Công Thương Việt Nam - CN 1 (tk 101448)	16.807.243.776	60.554.258.719
- NH Công Thương Việt Nam - CN 1 (tk 103840)	540.462.246	1.097.945.316
- NH NN & PT NT - CN Chợ Lớn	332.780.473	25.202.190.645
- NH NN & PT NT - CN Bến Thành	24.990.886.970	-
- NH TMCP Phương Đông	534.632.346	951.990.835
- Kho bạc Nhà nước Q1	3.871.200	3.871.200
Các khoản tương đương tiền	26.500.000.000	-
- NH NN & PT NT - CN Bến Thành	15.000.000.000	-
- NH Công Thương Việt Nam - CN 1	10.000.000.000	-
- NH TMCP Phương Đông	1.500.000.000	-
Tổng cộng	70.301.601.995	87.934.305.799

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

2. Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu khách hàng của Đội duy tu xây dựng	3.245.002.700	5.463.089.236
- Phải thu khách hàng của Đội thi công xây dựng	2.835.191.160	1.760.263.983
- Phải thu khách hàng của Ban quản lý	7.531.450.235	7.404.206.937
- Phải thu khách hàng vận chuyển rác	4.783.997.112	7.667.312.620
- Phải thu khách hàng của Đội quét dọn vệ sinh	3.229.957.263	1.083.737.349
- Phải thu khách hàng của Đội duy tu công viên	2.038.353.805	1.432.296.658
- Phải thu khách hàng tưới rửa điểm rác	402.443.385	279.088.972
- Phải thu khách cho thuê mặt bằng	946.548.966	-
- Các khách hàng khác	1.788.283.261	1.965.851.085
Tổng cộng	26.801.227.887	27.055.846.840
3. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Người bán của Đội thi công số 1,2,4,5	1.272.044.372	1.730.092.081
- Người bán của Đội Duy tu xây dựng	1.967.564.282	285.364.011
- Nguyễn Văn Ut	126.750.000	109.000.000
- Các khách hàng khác	876.543.414	442.339.343
Tổng cộng	4.242.902.068	2.566.795.435
4. Các khoản phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu các khoản nhà trả góp	67.500.000	3.578.932.000
- Bảo hiểm xã hội	97.699.900	172.680.961
- Bảo hiểm y tế	1.020.950	-
- Thuế TNCN (Nhân viên công ty)	28.994.857	49.045.578
- Thu tiền thuê nhà tăng 15%	34.605.635	95.346.085
- Các khoản khác	433.936.987	407.139.196
Tổng cộng	663.758.329	4.303.143.820
5. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng phải thu khó đòi	(254.034.724)	(254.034.724)
Tổng cộng	(254.034.724)	(254.034.724)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

6. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	800.262.573	924.602.091
Công cụ, dụng cụ	3.357.425	911.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.835.190.648	50.177.781.285
Thành phẩm	796.589.157	1.120.536.153
Hàng hóa	3.129.541.212	3.236.683.916
Cộng giá gốc hàng tồn kho	52.564.941.015	55.460.514.548
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	52.564.941.015	55.460.514.548
7. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản tạm ứng		
+ Ngô Minh Thảo	-	118.376.267
+ Trần Nhật Hoài	-	140.000.000
+ Trần Văn Hoá	-	28.000.000
+ Ngô Thị Kim Liên	45.000.000	-
+ Nguyễn Hoàng Tâm	2.000.000	-
+ Nguyễn Quang Dũng	8.000.000	-
+ Ngô Thị Hồng Thảo	10.451.000	-
+ Các đối tượng khác	7.000.000	8.290.365
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	20.250.000	-
Tổng cộng	92.701.000	294.666.632
<i>(*) - Ký quỹ theo Hợp đồng số 18/HĐ-TB ngày 23/11/2012 về cung cấp 60 thùng rác công cộng composite 660 lít.</i>	20.250.000	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	26.994.856.713	600.000.000	63.281.819	27.531.574.894
Máy móc thiết bị	2.389.191.367	156.372.727	1.243.416.457	1.302.147.637
PTVTải, truyền dẫn	28.758.351.908	210.383.364	26.320.818	28.942.414.454
TSCĐ khác	687.410.633	127.419.200	347.973.461	466.856.372
Tổng	58.829.810.621	1.094.175.291	1.680.992.555	58.242.993.357
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	12.316.754.762	1.287.817.807	47.881.811	13.556.690.758
Máy móc thiết bị	2.290.449.821	71.598.394	1.222.395.430	1.139.652.785
PTVTải, truyền dẫn	17.685.755.555	1.756.040.812	19.740.564	19.422.055.803
TSCĐ khác	385.441.584	84.742.718	274.599.972	195.584.330
Tổng	32.678.401.722	3.200.199.731	1.564.617.777	34.313.983.676
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	14.678.101.951			13.974.884.136
Máy móc thiết bị	98.741.546			162.494.852
PTVTải, truyền dẫn	11.072.596.353			9.520.358.651
TSCĐ khác	301.969.049			271.272.042
Tổng	26.151.408.899	-	-	23.929.009.681

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Quyền sử dụng đất	3.316.313.400		-	3.316.313.400
Phần mềm máy tính	52.000.000	-	22.000.000	30.000.000
TSCĐ vô hình khác	24.920.000	-	24.920.000	-
Tổng	3.393.233.400	-	46.920.000	3.346.313.400
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	625.201.518	63.713.280	-	688.914.798
Phần mềm máy tính	31.500.000	6.000.000	22.000.000	15.500.000
TSCĐ vô hình khác	24.920.000		24.920.000	-
Tổng	681.621.518	69.713.280	46.920.000	704.414.798
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	2.691.111.882			2.627.398.602
Phần mềm máy tính	20.500.000			14.500.000
TSCĐ vô hình khác	-			-
Tổng	2.711.611.882	-	-	2.641.898.602

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
- Xây dựng các công trình	1.715.767.757	2.100.000.000
Tổng cộng	1.715.767.757	2.100.000.000

11. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà quyết định 3346 (1)	8.120.780.809			8.120.780.809
Nhà quyết định 118 (2)	35.268.760.132	1.245.743.593	3.522.546.987	32.991.956.738
Chung cư		-		-
Tổng	43.389.540.941	1.245.743.593	3.522.546.987	41.112.737.547
Khấu hao lũy kế				
Nhà quyết định 3346 (1)	3.525.126.166			3.525.126.166
Nhà quyết định 118 (2)	13.393.127.219	-	1.103.642.933	12.289.484.286
Tổng	16.918.253.385	-	1.103.642.933	15.814.610.452
Giá trị còn lại				
Nhà quyết định 3346 (1)	4.595.654.643			4.595.654.643
Nhà quyết định 118 (2)	21.875.632.913			20.702.472.452
Tổng	26.471.287.556			25.298.127.095

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	51.229.100.000	51.229.100.000
Tổng cộng	51.229.100.000	51.229.100.000

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn, với số lượng 11.053.663 cổ phần. Căn cứ quyết định số 40/Q Đ-QLN ngày 31/08/2007 quyết định cử người đại diện vốn góp của Công ty Quản lý nhà Quận 1 xác định số tiền góp vốn là: 51.229.100.000 đồng.

Tài sản góp vốn là căn nhà số 10, đường Cô Giang, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, (nhà phố 3 lầu, 2 tầng và sân thượng). Diện tích:

- Khuôn viên: 1.163,65 m²
- Sử dụng: 2.943,08 m²
- Xây dựng: 3.270,69 m²

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Cuối năm	Đầu năm
13. Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu năm	429.786.515	-
Tăng trong năm	395.226.699	-
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	429.786.515	-
Số dư cuối năm	395.226.699	429.786.515
14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.173.617	23.173.617
Tổng cộng	23.173.617	23.173.617
15. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả người bán sửa chữa nhà nguồn khác	3.129.847.621	3.193.707.103
- Phải trả người bán Đội duy tu xây dựng	1.159.461.376	1.182.940.294
- Phải trả người bán Đội thi công số 1,2,4,5	881.142.536	1.079.742.793
- Phải trả người bán khác	1.177.338.494	2.047.851.737
Tổng cộng	6.347.790.027	7.504.241.927
16. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
- Đội thi công xây dựng	305.243.705	456.232.805
- Thu thoát nước	1.079.083.543	-
- Các đối tượng khác	3.032.800	62.383.620
Tổng cộng	1.387.360.048	518.616.425
17. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	652.220.716	478.407.528
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(159.904.532)	3.092.038.038
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.465.281.487	3.679.295.149
Thuế TNCN trong công ty	(4.780.904)	108.775.294
Các khoản phí vệ sinh phải nộp	46.109.314	22.475.501
Phí bảo vệ môi trường phải nộp	10.854.030	6.098.895
Nộp 60% tiền thuê nhà	2.041.222.413	219.011.053
Tổng cộng	12.051.002.524	7.606.101.458

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

18. Phải trả công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả công nhân viên	4.732.818.492	28.868.713.771
Tổng cộng	4.732.818.492	28.868.713.771
19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước chi phí độc hại	1.027.275.000	-
- Trích trước sửa chữa công trình Văn phòng Công ty	-	189.691.959
- Trích trước công trình đất Quận 2	435.392.372	968.988.880
Tổng cộng	1.462.667.372	1.158.680.839
20. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản thu trước tiền thuê nhà	7.470.449.971	7.001.325.793
Tổng cộng	7.470.449.971	7.001.325.793
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	26.027.508	-
- Vốn liên doanh (*)	27.788.378.331	27.788.378.331
- Thu nhà trả góp	3.154.136.260	4.989.612.291
- Thu hộ nộp ngân sách từ Công ty Phát triển DV nhà	-	3.500.000.000
- Các khoản phải trả khác	764.107.891	1.626.205.548
Tổng cộng	31.732.649.990	37.904.196.170
<i>(*) Là khoản vốn góp liên doanh cho dự án Bình Trưng Đông tiểu khu số 14 A-C</i>		
<i>Chi tiết gồm:</i>		
	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Êm Đềm	13.872.891.702	13.872.891.702
- Công ty Xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành	9.291.189.395	9.291.189.395
- Nhà hàng Dìn Ký	4.624.297.234	4.624.297.234
Tổng cộng	27.788.378.331	27.788.378.331
22. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	4.698.387.833	-
Tăng trong năm	1.150.193.500	-
Giảm trong năm	7.939.017.794	-
- Số dư cuối năm	(2.090.436.461)	4.698.387.833

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

23. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	657.850.000	640.700.000
Tổng cộng	657.850.000	640.700.000
(*) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bao gồm:		
- Công ty TNHH Phú Thịnh	150.000.000	150.000.000
- Công ty CP Đá Thiên Nhiên An Phú	75.000.000	75.000.000
- Công ty CP Mỹ Thuật Gốm Việt	50.000.000	50.000.000
- Các đối tượng khác	382.850.000	365.700.000
Tổng cộng	657.850.000	640.700.000

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	135.354.617.409	6.797.869.487		2.111.997.959
Tăng trong năm trước				
Giảm trong năm trước				
Lãi trong năm trước		10.872.523.741		
Lỗ trong năm trước				
Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	135.354.617.409	17.670.393.228	-	2.111.997.959
Tăng vốn năm nay				
Giảm vốn năm nay				
Lãi trong năm		6.550.507.938		
Lỗ trong năm				
Giảm khác		23.173.617		
Số dư cuối năm nay	135.354.617.409	24.197.727.549	-	2.111.997.959

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	135.354.617.409	100%	135.354.617.409	100%
Vốn góp của các đối tượng khác	-	0%	-	0%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

25. Nguồn kinh phí	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	4.863.078.201	4.890.396.624
Tăng trong năm	207.063.519	260.883.085
- Nguồn kinh phí nhà ở QĐ61	162.980.230	-
- Nguồn quản lý chung cư và NTG	19.993.251	-
- Nguồn kinh phí duy tu nhà trả góp	24.090.038	-
Giảm trong năm	244.630.924	288.201.508
- Nguồn kinh phí nhà ở QĐ61	219.657.634	-
- Nguồn quản lý chung cư và NTG	20.696.290	-
- Nguồn kinh phí duy tu nhà trả góp	4.277.000	-
- Số dư cuối năm	4.825.510.796	4.863.078.201

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
26. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.740.468.132	177.885.244.791
Trong đó:		
Hoạt động công ích	132.913.957.406	162.846.068.340
Hoạt động kinh doanh khác	19.826.510.726	15.039.176.451
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.740.468.132	177.885.244.791
27. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Hoạt động công ích	111.494.882.099	134.822.124.352
Hoạt động kinh doanh khác	18.960.812.190	14.510.851.253
Tổng cộng	130.455.694.289	149.332.975.605
28. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.312.078.778	837.428.313
Tổng cộng	1.312.078.778	837.428.313

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

	Năm nay	Năm trước
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	10.132.853.789	10.497.216.763
Chi phí vật liệu quản lý	440.178.954	55.365.212
Chi phí đồ dùng văn phòng	577.463.415	346.882.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.742.498	483.964.139
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí đào tạo	41.650.000	11.100.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.141.382	2.803.583.412
Chi phí bằng tiền khác	2.174.389.045	1.813.774.684
Tổng cộng	15.114.419.083	16.015.886.874
26. Thu nhập khác		
Nhận bồi thường	-	1.233.512.641
Thanh lý tài sản cố định	-	196.381.818
Các khoản thu nhập khác	334.909.338	252.932.818
Tổng cộng	334.909.338	1.682.827.277
27. Chi phí khác		
Chi phí khác	114.230.448	476.334.055
Tổng cộng	114.230.448	476.334.055
28. Chi phí thuế TNDN hiện hành	334.909.338,00	252.932.818,00
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.703.112.428	14.580.303.847
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	343.511.040
Thu nhập tính thuế	8.703.112.428	14.923.814.887
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.175.778.107	3.730.953.723

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Số liệu kiểm toán đầu kỳ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues) và điều chỉnh quyết toán theo Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV Tp.Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

28-30 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp


Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	40,53%	38,09%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	59,47%	61,91%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	24,55%	33,48%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	75,45%	66,52%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,45	1,86
2.2 Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	1,11	0,92
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,61	1,28
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,70%	8,20%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,29%	6,11%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,35%	5,09%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,52%	3,80%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu		
	3,34%	5,71%

Ngày 12 tháng 03 năm 2014




Huỳnh Thị Thu thảo
Người lập biểu


Ngô Phước Hưng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Định
Giám đốc